



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản
Minh Phú**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh

6103000072
2000393273

ngày 12 tháng 5 năm 2006
ngày 23 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty số 6103000072 đã được điều chỉnh 2 lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6103000072 ngày 12 tháng 11 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty số 6103000072 đã được thay thế bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 ngày 23 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 đã được điều chỉnh 6 lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 ngày 7 tháng 7 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Chu Thị Bình
Ông Lê Văn Quang
Ông Lê Văn Điệp
Ông Phan Thanh Lộc
Bà Hồ Thu Lê
Ông Bùi Anh Dũng
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa
Ông Sasaki Takahiro

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Thành viên
(từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Thành viên
(đến ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Thành viên
(đến ngày 24 tháng 6 năm 2022)

Ông Hamaya Harutoshi
Ông Tsukahara Keiichi
Ông Nagoya Yutaka

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Quang
Bà Chu Thị Bình
Ông Thái Hoàng Hùng
Ông Lê Văn Điệp
Ông Bùi Anh Dũng
Ông Lê Ngọc Anh
Bà Lê Thị Dịu Minh
Ông Chu Hồng Hà
Ông Tsunoda Norihisa

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 5 tháng 5 năm 2022)
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 6 năm 2022)
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 31 tháng 1 năm 2022)

Ông Trần Văn Thái
Ông Suzuki Yoshiaki

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Văn Khánh
Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc
Bà Đỗ Thị Hạnh

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Phường 8
Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 15 tháng 8 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 6 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo soát xét số: 21-01-00310-22-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2022



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		5.510.799.322.673	4.506.636.305.802
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	350.001.135.720	137.253.411.069
Tiền	111		193.001.135.720	137.253.411.069
Các khoản tương đương tiền	112		157.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		239.726.036.394	111.226.036.394
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	8.806.789.411	8.806.789.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(5.580.753.017)	(5.580.753.017)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	236.500.000.000	108.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.997.886.114.110	3.203.615.615.678
Phải thu của khách hàng	131	6	2.946.421.690.486	2.926.471.485.458
Trả trước cho người bán	132		56.239.869.943	40.536.087.615
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	-	192.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	27.827.950.671	44.608.042.605
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6(c)	(32.603.396.990)	-
Hàng tồn kho	140	9	1.848.988.543.764	1.005.715.404.962
Hàng tồn kho	141		1.879.531.330.146	1.027.453.412.680
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(30.542.786.382)	(21.738.007.718)
Tài sản ngắn hạn khác	150		74.197.492.685	48.825.837.699
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	3.532.891.663	2.238.920.623
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	16(b)	69.337.342.829	39.492.480.250
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	16(c)	1.327.258.193	7.094.436.826

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		4.485.377.941.759	3.820.650.981.199
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	2.058.898.500
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	-	2.058.898.500
Tài sản cố định	220		193.285.311.021	191.607.154.578
Tài sản cố định hữu hình	221	10	174.691.112.058	172.309.730.559
Nguyên giá	222		545.043.201.847	527.962.174.875
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(370.352.089.789)	(355.652.444.316)
Tài sản cố định vô hình	227	11	18.594.198.963	19.297.424.019
Nguyên giá	228		34.236.546.130	34.236.546.130
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.642.347.167)	(14.939.122.111)
Tài sản dở dang dài hạn	240		78.387.473.011	52.864.519.846
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	78.387.473.011	52.864.519.846
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.178.366.714.882	3.537.145.021.916
Đầu tư vào công ty con	251	5(c)	4.895.844.291.330	4.144.472.434.618
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(c)	3.900.000.000	3.900.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(c)	7.000.000.000	7.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(c)	(767.877.576.448)	(657.727.412.702)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(b)	39.500.000.000	39.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		35.338.442.845	36.975.386.359
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	34.290.135.111	36.975.386.359
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	1.048.307.734	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		9.996.177.264.432	8.327.287.287.001

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.798.170.730.780	2.957.106.647.050
Nợ ngắn hạn	310		4.798.170.730.780	2.954.224.250.308
Phải trả người bán	311	15	2.122.452.098.406	1.513.143.246.149
Người mua trả tiền trước	312		37.715.520.335	38.059.681.188
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	16(a)	5.064.614.560	12.532.408.003
Phải trả người lao động	314		42.497.276.083	43.058.388.442
Chi phí phải trả	315		1.326.906.685	265.449.955
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	471.136.391.807	5.892.891.880
Vay ngắn hạn	320	18	2.066.999.769.059	1.290.869.520.120
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	50.978.153.845	50.402.664.571
Nợ dài hạn	330		-	2.882.396.742
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	14	-	2.882.396.742
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.198.006.533.652	5.370.180.639.951
Vốn chủ sở hữu	410	20	5.198.006.533.652	5.370.180.639.951
Vốn cổ phần	411	21	1.999.436.500.000	2.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.296.035.252.438	2.297.421.887.777
Cổ phiếu quỹ	415		-	(1.628.235.339)
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	69.025.777.450	77.252.801.080
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		833.509.003.764	997.134.186.433
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		520.195.987.206	641.554.931.713
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		313.313.016.558	355.579.254.720
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		9.996.177.264.432	8.327.287.287.001

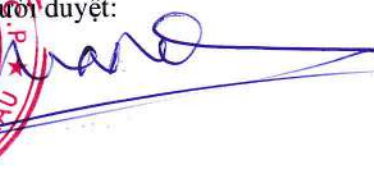
Ngày 15 tháng 8 năm 2022

Người lập:

Người duyệt:







Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng	01	24	4.850.141.068.205	4.525.968.041.292
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	14.399.587.296	10.759.813.938
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	24	4.835.741.480.909	4.515.208.227.354
Giá vốn hàng bán	11	25	4.192.021.127.285	4.063.879.286.581
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		643.720.353.624	451.328.940.773
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	212.265.574.044	100.516.822.858
Chi phí tài chính	22	27	176.325.132.004	119.559.526.578
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.720.190.596	11.389.492.492
Chi phí bán hàng	25	28	280.369.119.446	196.190.783.313
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	80.766.075.280	42.966.770.606
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		318.525.600.938	193.128.683.134
Thu nhập khác	31		661.829.219	1.723.266.046
Chi phí khác	32		10.802.007	116.297.001
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		651.027.212	1.606.969.045
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		319.176.628.150	194.735.652.179
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	9.794.316.068	16.544.622.299
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	31	(3.930.704.476)	(562.403.401)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		313.313.016.558	178.753.433.281

Ngày 15 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm
2022 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc	
		30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	319.176.628.150	194.735.652.179
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	16.597.484.079	18.719.321.911
Các khoản dự phòng	03	151.558.339.400	86.258.994.483
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	7.654.762.870	(4.213.992.552)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05	(100.658.522)	(1.245.518.951)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05	(202.313.426.600)	(89.897.047.093)
Chi phí lãi vay	06	13.720.190.596	11.389.492.492
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	306.293.319.973	215.746.902.469
Biến động các khoản phải thu	09	(242.184.997.077)	(1.027.169.367.378)
Biến động hàng tồn kho	10	(852.077.917.466)	(425.268.828.065)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	614.307.111.340	777.235.526.396
Biến động chi phí trả trước	12	(1.383.642.520)	(1.502.567.695)
		(175.046.125.750)	(460.958.334.273)
Tiền lãi vay đã trả	14	(13.720.190.596)	(11.389.492.492)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(11.733.411.360)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.687.571.349)	(7.681.590.682)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(197.453.887.695)	(491.762.828.807)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc	
		30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21	(75.403.818.284)	(43.920.665.046)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	22	112.377.272	20.480.574.651
Tiền chi đầu tư trái phiếu	23	-	(22.000.000.000)
Tiền chi cho vay	23	-	(193.300.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24	-	134.000.000.000
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(236.500.000.000)	(213.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	108.000.000.000	353.500.000.000
Tiền chi đầu tư vào công ty con	25	(339.360.100.000)	(108.477.275.430)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	204.564.702.474	85.381.300.218
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(338.586.838.538)	12.663.934.393
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(321.900.000)	(318.600.000)
Tiền thu từ đi vay	33	4.353.066.297.830	3.827.994.448.097
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.583.558.571.826)	(3.671.126.009.493)
Tiền chi khác cho hoạt động tài chính	36	(16.049.767.234)	(17.828.685.088)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	753.136.058.770	138.721.153.516
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	217.095.332.537	(340.377.740.898)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	137.253.411.069	624.920.492.383
Ảnh hưởng của quy đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(4.347.607.886)	953.294.659
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4 350.001.135.720	285.496.046.144

Ngày 15 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:





Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp ngày 23 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ theo Quyết định số 813/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch chứng khoán cho công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) với mã giao dịch là MPC.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 16 công ty con (1/1/2022: 16 công ty con) và 1 công ty liên kết (1/1/2022: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 5(c).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 7.241 nhân viên (1/1/2022: 6.294 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản bình quân của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và đầu tư vào trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 2 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 2 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 11 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 2 – 12 năm |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 43 năm đến 59 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm đến 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và chi phí phát sinh liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa hoàn tất. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 48 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Thuê

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê trong đó Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước/năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.242.151.805	3.538.579.954
Tiền gửi ngân hàng	191.758.983.915	133.714.831.115
Các khoản tương đương tiền	157.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	350.001.135.720	137.253.411.069

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi tiền.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2022				1/1/2022			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu:								
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Việt Nam	18	180.000	345.600	-	18	180.000	433.800	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 8	112.000	5.263.000.000	1.120.000.000	(4.143.000.000)	112.000	5.263.000.000	1.120.000.000	(4.143.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	19	80.000	1.637.800	-	19	80.000	1.312.900	-
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Mới Kim Tụ Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	272.941.176	-	18.823	272.941.176	272.941.176	-
▪ Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	163.646	3.270.588.235	1.832.835.218	(1.437.753.017)	163.646	3.270.588.235	1.832.835.218	(1.437.753.017)
		8.806.789.411	3.227.759.794	(5.580.753.017)		8.806.789.411	3.227.523.094	(5.580.753.017)

40-
PH
NTH
93

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	236.500.000.000	108.000.000.000
<hr/>		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
Trái phiếu		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (ii)	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (iii)	12.500.000.000	12.500.000.000
▪ Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long (iv)	22.000.000.000	22.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	39.500.000.000	39.500.000.000
	<hr/>	<hr/>

- (i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất năm dao động từ 3,0% đến 4,2% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021: từ 3,7% đến 5,0%).
- (ii) Số dư này bao gồm trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam phát hành ngày 31 tháng 10 năm 2018. Trái phiếu này đến hạn hoàn trả vào ngày 31 tháng 10 năm 2024 và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,52% đến 7,54% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021: 7,5%).
- (iii) Số dư này bao gồm các trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành lần lượt ngày 14 tháng 11 năm 2017, ngày 31 tháng 7 năm 2020 và ngày 18 tháng 11 năm 2021. Các trái phiếu này đến hạn hoàn trả lần lượt vào ngày 14 tháng 11 năm 2027, ngày 30 tháng 7 năm 2030 và ngày 18 tháng 11 năm 2031 và hưởng lãi suất năm dao động từ 7,00% đến 8,03% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021: từ 7,7% đến 7,8%).
- (iv) Số dư này bao gồm trái phiếu không chuyển đổi do Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long phát hành ngày 27 tháng 8 năm 2020. Vào ngày 18 tháng 2 năm 2021, Công ty đã mua trái phiếu này từ Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB. Trái phiếu này đến hạn hoàn trả vào ngày 17 tháng 8 năm 2023 và hưởng lãi suất năm là 7,86% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021: 7,9%).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 148.000 triệu VND (1/1/2022: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đầu tư góp vốn vào:

Các công ty con sở hữu trực tiếp

- Mseafood Corporation
- Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (i)
- Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang (i)
- Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An (i)
- Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú (i) (ii)
- Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú
- Công ty TNHH Kho vận Ebisumo
- Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú
- Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics
- Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú (iii)

Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con khác

- Công ty TNHH Xã hội Chuối Tôm Rừng Minh Phú (i)

Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% sở hữu	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,00%	90,00%	323.162.400.000	-	(iv)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	98,27%	98,27%	1.784.399.634.231	-	(iv)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	97,5%	97,5%	195.000.000.000	-	(iv)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	99,17%	99,17%	205.820.661.126	-	(iv)
Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,89%	99,89%	921.750.043.801	(343.416.733.896)	(iv)
Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	99,78%	99,78%	178.616.255.460	(90.275.834.862)	(iv)
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	100,0%	100,0%	983.500.000.000	(330.681.645.659)	(iv)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	92,27%	92,27%	7.168.000.000	(1.450.637.264)	(iv)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%	20.000.000.000	-	(iv)
Thành phố Tokyo, Nhật Bản	100,0%	100,0%	3.903.000.000	-	(iv)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%	25.473.296.712	-	(iv)
Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%	142.500.000.000	(1.941.478.297)	(iv)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,0%	100,0%	2.000.000.000	-	(iv)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	51,0%	51,0%	51.000.000	-	(iv)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	99,09%	99,09%	100.000.000.000	-	(iv)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	79,80%	45,43%	2.500.000.000	-	(iv)
			4.895.844.291.330		

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Công ty liên kết

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú
Aquamekong
Địa chỉ Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Đơn vị khác

- Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau
Địa chỉ Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

	% quyền biểu quyết	% sở hữu	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
	49,0%	49,0%	3.900.000.000	-	(iv)
	10,0%	10,0%	7.000.000.000	(111.246.470)	(iv)
					(767.877.576.448)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022

Đầu tư góp vốn vào:

Các công ty con sở hữu trực tiếp

- Mseafood Corporation
- Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (i)
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (i)
- Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang (i)
- Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An (i)
- Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú (i) (ii)
- Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú
- Công ty TNHH Kho vận Ebisumo
- Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú
- Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics (i)
- Công ty TNHH Thực ăn Tôm xanh Minh Phú (iii)

Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con khác

- Công ty TNHH Xã hội Chuối Tôm Rừng Minh Phú (i)

Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% sở hữu	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,0%	90,0%	323.162.400.000	-	(iv)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	98,27%	98,27%	1.587.861.174.231	-	(iv)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	97,5%	97,5%	195.000.000.000	-	(iv)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	99,17%	99,17%	120.720.661.126	-	(iv)
Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,89%	99,89%	827.150.043.801	(276.026.534.043)	(iv)
Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	99,78%	99,78%	153.764.155.460	(79.289.409.246)	(iv)
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	100,0%	100,0%	720.000.000.000	(300.849.585.679)	(iv)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	92,27%	92,27%	6.360.000.000	(1.450.637.264)	(iv)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%	20.000.000.000	-	(iv)
Thành phố Tokyo, Nhật Bản	100,0%	100,0%	3.903.000.000	-	(iv)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%	2.000.000.000	-	(iv)
Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%	80.000.000.000	-	(iv)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,0%	100,0%	2.000.000.000	-	(iv)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	51,0%	51,0%	51.000.000	-	(iv)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	99,09%	99,09%	100.000.000.000	-	(iv)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	79,8%	45,43%	2.500.000.000	-	(iv)
			4.144.472.434.618		

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% sở hữu	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết						
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Aquamekong	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,0%	49,0%	3.900.000.000	-	(iv)
Đơn vị khác						
▪ Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,0%	10,0%	7.000.000.000	(111.246.470)	(iv)
					(657.727.412.702)	



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tỷ lệ lợi ích kinh tế thể hiện lợi ích kinh tế thực của Công ty trong các công ty con bao gồm sở hữu trực tiếp và gián tiếp.

- (i) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa góp đủ vốn vào các công ty con này.
- (ii) Công ty nắm giữ trực tiếp 74,07% lợi ích Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú và nắm giữ gián tiếp 18,52% lợi ích của đơn vị này thông qua công ty con là Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang.
- (iii) Công ty nắm giữ trực tiếp 50% lợi ích Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú và nắm giữ gián tiếp 49,09% lợi ích của đơn vị này thông qua công ty con là Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang.

Mseafood Corporation được đăng ký thành lập ở Tiểu bang California, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Công ty TNHH Kho vận Ebisumo được đăng ký thành lập tại Nhật Bản. Tất cả các công ty con còn lại được đăng ký thành lập tại Việt Nam.

- (iv) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Biến động của giá gốc khoản đầu tư góp vốn vào các công ty con trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.144.472.434.618	3.738.260.328.062
Góp vốn vào các công ty con trong kỳ	751.371.856.712	227.316.565.621
Số dư cuối kỳ	4.895.844.291.330	3.965.576.893.683

Không có biến động về giá gốc của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đơn vị khác trong kỳ.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	657.727.412.702	364.469.944.156
Tăng trong kỳ	110.150.163.746	99.053.237.168
Số dư cuối kỳ	767.877.576.448	463.523.181.324

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	1.887.322.874.186	1.329.695.346.404
▪ Mseafood Corporation	495.592.764.759	626.374.035.530
▪ Công ty TNHH Kho vận Ebisumo	43.392.386.984	84.869.802.207
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	1.949.802.152	56.598.497.276
▪ Các khách hàng khác	518.163.862.405	828.933.804.041
	2.946.421.690.486	2.926.471.485.458

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	1.887.322.874.186	1.329.695.346.404
▪ Mseafood Corporation	495.592.764.759	626.374.035.530
▪ Công ty TNHH Kho vận Ebisumo	43.392.386.984	84.869.802.207
▪ Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú	3.198.854.000	12.531.751.577
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	3.125.224.094	329.190.657.810
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	1.949.802.152	56.598.497.276
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	-	806.575.342

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con không được đảm bảo, không được hưởng lãi và đến hạn trong vòng 15 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản phải thu của khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm 2.946.422 triệu VND (1/1/2022: 2.926.471 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2022		Dự phòng VND
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Nợ quá hạn				
H.T. Foods Pvt Ltd.	Dưới 1 năm	32.603.396.990		- 32.603.396.990

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, số dư dự phòng phải thu khó đòi thể hiện khoản dự phòng được trích lập trong kỳ.

7. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn không được đảm bảo bằng VND như sau:

	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty con				
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	5,0%	2022		- 192.000.000.000

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ tức	13.625.654.496	27.560.770.742
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	735.441.934	2.986.717.808
Ký quỹ ngắn hạn	2.200.000.000	2.200.000.000
Chi hộ	1.157.555.928	3.677.787.757
Các khoản tạm ứng	3.984.779.412	1.267.807.054
Phải thu khác	6.124.518.901	6.914.959.244
	27.827.950.671	44.608.042.605

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Các công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	13.625.654.496	27.560.770.742
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	-	774.109.589

Khoản phải thu khác từ các công ty con không được đảm bảo, không được hưởng lãi và được thanh toán khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Đặt cọc cho Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau, một bên liên quan	-	2.058.898.500

Đây là khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau, một bên liên quan, cho mục đích thuê đất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	66.282.126.369	(1.077.098.740)	69.741.513.634	(1.475.535.886)
Công cụ và dụng cụ	1.806.846.202	(29.361.637)	2.089.792.122	(44.214.172)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	51.981.845.164	(844.716.109)	14.040.843.638	(297.065.085)
Thành phẩm	1.759.460.512.411	(28.591.609.896)	941.581.263.286	(19.921.192.575)
	1.879.531.330.146	(30.542.786.382)	1.027.453.412.680	(21.738.007.718)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	21.738.007.718	29.572.238.523
Tăng trong kỳ	8.804.778.664	-
Hoàn nhập trong kỳ	-	(12.794.242.685)
Số dư cuối kỳ	30.542.786.382	16.777.995.838

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.848.989 triệu VND (1/1/2022: 1.005.715 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	120.477.182.185	295.871.028.551	92.256.191.358	19.357.772.781	527.962.174.875
Tăng trong kỳ	5.795.748.181	114.000.000	230.000.000	711.702.909	6.851.451.090
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	7.506.439.999	500.000.000	654.545.455	-	8.660.985.454
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	2.774.922.728	-	-	-	2.774.922.728
Thanh lý	-	(707.337.400)	(498.994.900)	-	(1.206.332.300)
Số dư cuối kỳ	136.554.293.093	295.777.691.151	92.641.741.913	20.069.475.690	545.043.201.847
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	85.651.736.041	214.080.385.510	42.704.496.314	13.215.826.451	355.652.444.316
Khấu hao trong kỳ	2.887.643.362	8.353.532.117	3.979.332.186	673.751.358	15.894.259.023
Thanh lý	-	(695.618.650)	(498.994.900)	-	(1.194.613.550)
Số dư cuối kỳ	88.539.379.403	221.738.298.977	46.184.833.600	13.889.577.809	370.352.089.789
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	34.825.446.144	81.790.643.041	49.551.695.044	6.141.946.330	172.309.730.559
Số dư cuối kỳ	48.014.913.690	74.039.392.174	46.456.908.313	6.179.897.881	174.691.112.058

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 216.389 triệu VND (1/1/2022: 212.851 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 32.479 triệu VND (1/1/2022: 36.343 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	14.464.359.012	19.772.187.118	34.236.546.130
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	5.257.925.969	9.681.196.142	14.939.122.111
Khấu hao trong kỳ	92.770.673	610.454.383	703.225.056
Số dư cuối kỳ	5.350.696.642	10.291.650.525	15.642.347.167
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	9.206.433.043	10.090.990.976	19.297.424.019
Số dư cuối kỳ	9.113.662.370	9.480.536.593	18.594.198.963

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 4.435 triệu VND (1/1/2022: 4.435 triệu VND) đã được khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 1.767 triệu VND (1/1/2022: 1.799 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	52.864.519.846	12.266.890.533
Tăng trong kỳ	34.183.938.619	11.298.393.614
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(8.660.985.454)	(10.139.999.977)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.665.784.170)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	78.387.473.011	11.759.500.000

Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm:

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
	Dự án nhà máy Khánh An	66.214.516.701
Quyền sử dụng đất	11.751.500.000	11.751.500.000
Cải tạo văn phòng	421.456.310	148.729.037
	<hr/>	<hr/>
	78.387.473.011	52.864.519.846

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công cụ và dụng cụ	3.532.891.663	2.238.920.623

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	24.710.643.557	12.264.742.802	36.975.386.359
Tăng trong kỳ	-	5.204.637.693	5.204.637.693
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.774.922.728)	-	(2.774.922.728)
Phân bổ trong kỳ	(235.446.020)	(4.879.520.193)	(5.114.966.213)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	21.700.274.809	12.589.860.302	34.290.135.111

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng phải thu khó đòi	2.756.292.928	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	(1.707.985.194)	(2.882.396.742)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần/(nợ phải trả)	1.048.307.734	(2.882.396.742)

15. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	1.960.738.528.434	1.417.537.378.781
▪ Các nhà cung cấp khác	161.713.569.972	95.605.867.368
	2.122.452.098.406	1.513.143.246.149
Số có khả năng trả nợ	2.122.452.098.406	1.513.143.246.149

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	1.960.738.528.434	1.417.537.378.781
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	3.960.000.000	-
▪ Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	3.507.797.200	1.599.449.577
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	3.461.274.323	829.527.720
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	3.228.917.831	556.940.906
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú	1.477.897.411	994.153.025
▪ Công ty TNHH Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú	843.146.994	552.189.488
▪ Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú	303.786.218	137.692.052

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Không có khoản phải trả người bán nào tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 bị quá hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thuế phải nộp và phải thu Ngân sách Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ VND	30/6/2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.794.316.068	-	(5.767.178.633)	4.027.137.435
Thuế thu nhập cá nhân	12.532.408.003	4.428.891.045	(15.923.821.923)	-	1.037.477.125
Thuế giá trị gia tăng	-	23.545.522.875	-	(23.545.522.875)	-
	12.532.408.003	37.768.729.988	(15.923.821.923)	(29.312.701.508)	5.064.614.560

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2022 VND	Số phát sinh VND	Số được hoàn lại VND	Số đã cân trừ VND	30/6/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	39.492.480.250	67.523.219.630	(14.132.834.176)	(23.545.522.875)	69.337.342.829

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số đã cần trừ VND	30/6/2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.767.178.633	(5.767.178.633)	-
Thuế nhập khẩu	761.228.693	-	761.228.693
Thuế khác	566.029.500	-	566.029.500
	<u>7.094.436.826</u>	<u>(5.767.178.633)</u>	<u>1.327.258.193</u>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ tức phải trả	462.466.553.319	2.596.158.319
Ứng trước từ nhân viên cho việc phát hành cổ phiếu theo chương trình quyền chọn mua cổ phiếu cho người lao động trong công ty bằng hình thức giữ lại tiền thưởng nhân viên	4.019.771.997	64.771.997
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	3.184.169.953	1.678.065.026
Nhận ứng trước từ nhân viên mua nhà tập thể	242.014.545	242.014.545
Phải trả khác	1.223.881.993	1.311.881.993
	<u>471.136.391.807</u>	<u>5.892.891.880</u>

Không có khoản phải trả ngắn hạn khác nào tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 bị quá hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay ngắn hạn

	Biến động trong kỳ			Chênh lệch đánh giá lại VND	30/6/2022 VND
	1/1/2022 VND	Tăng VND	Giảm VND		
Vay ngắn hạn	1.290.869.520.120	4.353.066.297.830	(3.583.558.571.826)	6.622.522.935	2.066.999.769.059
Số có khả năng trả nợ	1.290.869.520.120				2.066.999.769.059

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
		2022	2021		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	1,6% - 3,3%	1,6%	355.373.257.596	1.374.043.960
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	1,6% - 2,5%	1,6%	671.142.447.948	355.568.350.360
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND	3,9%	-	101.843.729.387	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	1,6% - 2,2%	1,6% - 1,8%	938.640.334.128	933.927.125.800
				2.066.999.769.059	1.290.869.520.120



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản của Công ty như sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 5(b))
- Phải thu khách hàng (Thuyết minh 6)
- Hàng tồn kho (Thuyết minh 9)
- Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)
- Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	50.402.664.571	37.977.102.877
Trích lập trong kỳ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.245.060.623	33.460.877.410
Tăng khác	18.000.000	1.580.000.000
Sử dụng quỹ trong kỳ	(8.687.571.349)	(7.681.590.682)
Số dư cuối kỳ	50.978.153.845	65.336.389.605

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	2.000.000.000.000	2.322.800.251.928	(33.019.699.490)	77.817.693.118	1.108.412.966.463	5.476.011.212.019
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	178.753.433.281	178.753.433.281
Mua lại cổ phiếu	-	648.685.680	(967.285.680)	-	-	(318.600.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(398.733.660.000)	(398.733.660.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	33.460.877.410	(33.460.877.410)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(33.460.877.410)	(33.460.877.410)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(17.828.685.088)	-	(17.828.685.088)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	2.000.000.000.000	2.323.448.937.608	(33.986.985.170)	93.449.885.440	821.510.984.924	5.204.422.822.802
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	2.000.000.000.000	2.297.421.887.777	(1.628.235.339)	77.252.801.080	997.134.186.433	5.370.180.639.951
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	313.313.016.558	313.313.016.558
Mua lại cổ phiếu (*)	-	670.121.020	(992.021.020)	-	-	(321.900.000)
Giảm cổ phiếu (**)	(563.500.000)	(2.056.756.359)	2.620.256.359	-	-	-
Chia cổ tức (***)	-	-	-	-	(459.870.395.000)	(459.870.395.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	7.822.743.604	(7.822.743.604)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(9.245.060.623)	(9.245.060.623)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(16.049.767.234)	-	(16.049.767.234)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	1.999.436.500.000	2.296.035.252.438	-	69.025.777.450	833.509.003.764	5.198.006.533.652

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Ngày 18 tháng 4 năm 2022, Công ty đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả mua lại cổ phiếu của người lao động thôi việc trong thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu theo thỏa thuận phát hành cổ phiếu cho người lao động theo chương trình quyền chọn mua cổ phiếu cho người lao động năm 2018, 2019, 2020 và 2021. Theo đó, tổng số cổ phiếu được mua lại là 24.490 cổ phiếu.
- (**) Vào ngày 24 tháng 6 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua việc giảm vốn cổ phần bằng mệnh giá cổ phiếu quỹ đang nắm giữ là 563.500.000 VND, tương đương 56.350 cổ phiếu. Theo đó, số lượng cổ phiếu phổ thông giảm từ 200.000.000 cổ phiếu xuống còn 199.943.650 cổ phiếu. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty số 2000393273 đã được điều chỉnh giảm vốn cổ phần này vào ngày 7 tháng 7 năm 2022, được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau.
- (***) Vào ngày 24 tháng 6 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng đã thông qua việc chia cổ tức năm 2021 bằng tiền với giá trị 459.870.395.000 VND, tương đương 2.300 VND/cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: 398.733.660.000 VND).

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2022		1/1/2022	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	199.943.650	1.999.436.500.000	200.000.000	2.000.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	(31.860)	(1.628.235.339)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	199.943.650	1.999.436.500.000	199.968.140	1.998.371.764.661

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	21.396.850.560	40.296.850.560
Trong vòng hai đến năm năm	9.987.402.240	9.987.402.240
Sau năm năm	1.456.496.160	2.704.921.440
	32.840.748.960	52.989.174.240

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	309.444	7.200.149.275	2.973.829	67.684.337.571
JPY	1.005.471.786	176.963.034.336	288.324.899	57.664.979.800
CAD	1.320	22.740.380	1.338	23.049.006
		184.185.923.991		125.372.366.377



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Hợp đồng mua bán ngoại tệ

Tại ngày báo cáo, theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Công ty có các cam kết mua USD được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán như sau:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Cam kết hợp đồng mua USD kỳ hạn	93.048.000.000	-

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	34.346.460.400	69.546.290.582

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	3.975.722.619.062	3.773.152.518.732
▪ Nguyên vật liệu và hàng hóa đã bán	867.126.589.842	745.630.054.014
▪ Phế liệu đã bán	7.291.859.301	7.185.468.546
	<hr/>	<hr/>
	4.850.141.068.205	4.525.968.041.292
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	-	156.924.861
▪ Hàng bán bị trả lại	14.399.587.296	10.602.889.077
	<hr/>	<hr/>
	14.399.587.296	10.759.813.938
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	4.835.741.480.909	4.515.208.227.354

25. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Thành phẩm đã bán	3.373.750.909.005	3.361.682.303.186
Nguyên vật liệu và hàng hóa đã bán	809.465.439.616	714.991.226.080
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.804.778.664	(12.794.242.685)
	<hr/>	<hr/>
	4.192.021.127.285	4.063.879.286.581

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	5.693.124.600	26.787.115.518
Cổ tức được chia từ các công ty con	196.538.460.000	63.109.931.575
Cổ tức từ chứng khoán kinh doanh	81.842.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do thanh toán	9.952.147.444	5.291.833.876
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	-	4.213.992.552
Lãi phạt chậm thanh toán	-	1.113.949.337
	212.265.574.044	100.516.822.858

27. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí lãi vay	13.720.190.596	11.389.492.492
Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con	110.150.163.746	99.053.237.168
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do thanh toán	44.506.006.372	9.104.380.140
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	7.654.762.870	-
Chi phí tài chính khác	294.008.420	12.416.778
	176.325.132.004	119.559.526.578

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí vận chuyển	198.051.833.622	109.974.048.472
Chi phí thuê kho	34.856.002.125	33.532.489.860
Chi phí hoa hồng	14.295.557.004	15.072.323.509
Chi phí nhân viên	9.699.366.169	8.202.637.031
Chi phí khác	23.466.360.526	29.409.284.441
	280.369.119.446	196.190.783.313

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí nhân viên	26.788.750.749	24.782.561.270
Dự phòng phải thu khó đòi	32.603.396.990	-
Dụng cụ văn phòng	7.303.534.059	6.443.005.517
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.951.963.002	5.132.450.007
Chi phí khấu hao	4.606.319.378	3.899.322.523
Phí ngân hàng	701.601.105	715.384.536
Chi phí khác	2.810.509.997	1.994.046.753
	80.766.075.280	42.966.770.606

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa	4.533.011.539.292	4.031.810.443.324
Chi phí nhân công và nhân viên	464.606.463.084	383.309.750.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	325.657.731.594	225.044.009.816
Dự phòng phải thu khó đòi	32.603.396.990	-
Chi phí khấu hao	16.597.484.079	18.719.321.911
Chi phí khác	36.501.869.124	41.168.611.463

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	9.794.316.068	16.544.622.299
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(3.930.704.476)	(562.403.401)
	5.863.611.592	15.982.218.898

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	319.176.628.150	194.735.652.179
Thuế theo thuế suất của Công ty	31.917.662.815	19.473.565.218
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho thu nhập từ hoạt động thương mại và thu nhập khác	(6.716.053.268)	2.385.884.036
Chi phí không được khấu trừ thuế	324.032.245	433.762.802
Thu nhập không bị tính thuế	(19.662.030.200)	(6.310.993.158)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.863.611.592	15.982.218.898

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% lợi nhuận chịu thuế cho hoạt động chế biến và sản xuất các sản phẩm thủy sản và 20% cho hoạt động thương mại và các hoạt động khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các công ty liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý		
Bán thành phẩm	104.532.795.148	204.156.727.735
Chi phí thuê nhà xưởng	3.600.000.000	3.600.000.000
Cổ tức được nhận	-	17.912.597.214
Chi phí ủy thác xuất khẩu	-	11.981.658.433
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát		
Bán thành phẩm	26.543.092.745	-
Chi phí thuê nhà xưởng	4.800.000.000	4.800.000.000
Cổ tức được nhận	-	7.559.185.169
Góp vốn	85.100.000.000	23.642.701.868
Công ty Cổ phần Thủy Sản Minh Phú Hậu Giang		
Mua nguyên vật liệu	337.994.885	750.172.583
Mua thành phẩm	809.603.135.041	717.088.646.340
Mua dịch vụ	104.899.104	-
Bán nguyên vật liệu	2.246.674.674	1.012.031.247
Bán thành phẩm	749.124.733.627	582.462.492.802
Góp vốn	196.538.460.000	-
Chi phí kiểm nghiệm	54.000.000	95.000.000
Chi phí lưu kho	-	5.047.959
Chi phí vận chuyển	-	119.653.844
Cổ tức nhận được	196.538.460.000	-
Công ty TNHH Thủy Hải sản Minh Phú – Kiên Giang		
Mua nguyên vật liệu	235.525.901.173	297.355.358.160
Góp vốn	94.600.000.000	161.228.588.323
Cho vay	-	71.300.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	695.397.261
Công ty TNHH Sản xuất Giống Thủy sản Minh Phú		
Góp vốn	24.852.100.000	36.779.275.430
Mua thành phẩm	117.004.000	-
Mua dịch vụ	798.759.295	1.320.831.280

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An		
Mua nguyên vật liệu	276.856.153.282	259.631.876.638
Góp vốn	263.500.000.000	-
Cho vay	-	122.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	236.712.329	2.271.657.534
Thu nhập khác	-	19.525.574.651
Mseafood Corporation		
Bán thành phẩm	611.429.987.214	948.331.667.923
Công ty TNHH MTV Chuỗi Cung ứng Thủy sản Minh Phú		
Mua dịch vụ	14.629.766.645	13.166.204.210
Mua nguyên vật liệu	7.412.046.025	5.916.012.833
Cổ tức được nhận	-	34.670.149.192
Chi phí kiểm nghiệm	-	72.000.000
Chi phí chứng nhận	-	1.320.831.452
Công ty TNHH Kho vận Ebisumo		
Bán thành phẩm	168.767.660.633	128.779.957.465
Góp vốn	-	2.968.000.000
Cổ tức được nhận	-	2.968.000.000
Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú		
Bán thành phẩm	20.568.668.240	15.001.682.500
Mua dịch vụ	67.296.727	9.476.500
Góp vốn	23.473.296.712	-
Công ty TNHH Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú		
Mua nguyên vật liệu	91.986.788.516	50.303.719.958
Mua dịch vụ	2.871.455.183	2.049.795.893
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú		
Góp vốn	62.500.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú		
Mua dịch vụ	6.388.242.149	6.772.267.815
Góp vốn	-	1.647.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics		
Bán nguyên vật liệu	-	196.054.603
Góp vốn	-	51.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú		
Góp vốn	808.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
<i>Công ty liên kết gián tiếp</i>		
Công ty Cổ phần Mekong Logistics		
Cung cấp dịch vụ	22.583.595.414	22.210.478.693
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng		
Thuê văn phòng	1.935.724.200	41.888.440
<i>Các cổ đông chính</i>		
MPM Investments Pte. Ltd.		
Chia cổ tức	161.460.000.000	139.955.514.660
Chu Thị Bình		
Chia cổ tức	80.754.909.000	69.937.883.964
Lê Văn Quang		
Chia cổ tức	73.923.840.000	63.996.752.430

Các nghiệp vụ với nhân sự chủ chốt

Tổng lương, thưởng và trợ cấp trả cho các nhân sự chủ chốt trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Chu Thị Bình	75.000.000	75.000.000
Lê Văn Quang	75.000.000	75.000.000
Lê Văn Điệp	75.000.000	75.000.000
Bùi Anh Dũng	75.000.000	75.000.000
Phan Thanh Lộc	150.000.000	150.000.000
Hồ Thu Lê	150.000.000	150.000.000
Nguyễn Nhân Nghĩa	150.000.000	150.000.000
Nagoya Yutaka	144.230.769	150.000.000
Tsukahara Keiichi	144.230.769	11.538.462
Sasaki Takahiro	5.769.231	-
Hamaya Harutoshi	5.769.231	-
Osada Tsutomu	-	138.461.538

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Ban Giám đốc		
Lê Văn Quang	555.580.564	638.041.997
Chu Thị Bình	576.049.352	486.833.715
Lê Văn Điệp	1.811.081.127	1.393.415.344
Bùi Anh Dũng	11.700.000	11.700.000
Thái Hoàng Hùng	498.095.004	455.868.928
Lê Thị Dịu Minh	508.965.879	407.117.169
Suzuki Yoshiaki	90.566.000	543.396.000
Tsunoda Norihisa	184.800.000	-
Trần Văn Thái	110.888.369	-
Ban Kiểm soát		
Trần Văn Khánh	199.474.897	167.808.967
Nguyễn Thị Hồng Cúc	151.381.684	143.655.611
Đỗ Thị Hạnh	157.695.894	144.513.490

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Cổ tức đã được công bố nhưng chưa chi trả	459.870.395.000	401.314.778.389
Cần trừ cổ tức phải thu từ các công ty con với các khoản phải trả thương mại	13.935.116.246	-
Chuyển khoản phải thu thương mại từ công ty con thành vốn góp	23.473.296.712	428.588.323
Chuyển khoản phải thu khác từ công ty con thành vốn góp	196.538.460.000	10.527.185.169
Chuyển khoản phải thu về cho vay từ công ty con thành vốn góp	192.000.000.000	91.800.000.000
Chuyển khoản trả trước cho công ty con thành vốn góp	-	16.083.516.699
Nguyên giá tài sản cố định đã mua nhưng chưa thanh toán	459.454.545	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chế biến và nuôi trồng thủy sản của Công ty phụ thuộc vào biến động theo mùa do điều kiện thời tiết và thói quen của người tiêu dùng. Đặc biệt, việc nuôi trồng thủy sản ở các khu vực địa lý trọng yếu bị ảnh hưởng tiêu cực do thời tiết nắng nóng, thường kéo dài từ tháng 1 đến tháng 5. Công ty đã nỗ lực để giảm thiểu những tác động mang tính thời vụ này bằng cách quản lý hàng tồn kho để duy trì mức đáp ứng trong kỳ. Doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong nửa đầu năm thường thấp hơn do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của khách hàng trong nửa đầu năm thường thấp hơn so với cuối năm khi có nhiều lễ hội lớn trên thế giới.

35. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Không có thay đổi trọng yếu nào trong ước tính kế toán được thực hiện trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này so với ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính hàng năm gần nhất.

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh của bảng cân đối kế toán riêng được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Thông tin so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022

Người lập:

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 01 tháng 01 năm 2011

GIẤY ỦY QUYỀN

Tôi là: **Lê Văn Quang**

Sinh ngày: 28/10/1958

CMND số: 024038687, Ngày cấp 20/08/2002, Nơi cấp: CA.TPHCM

Địa chỉ thường trú: 385/37B Điện Biên Phủ, Q3, Tp.HCM

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc, và là người đại diện theo pháp luật của của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (GPKD số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 23/06/2010).

Trong phạm vi quyền hạn của mình, tôi uỷ quyền cho:

Ông: Lê Văn Điệp

CMND số: 380 878 870, Ngày cấp 12/10/2006 Nơi cấp: CA.Cà Mau

Địa chỉ thường trú: 22 Cao Thắng, Phường 8, TP. Cà Mau

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thay tôi đại diện thực hiện các công việc và phạm vi như sau:

Ký các hồ sơ sổ sách chứng từ kế toán, các báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính năm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú kể từ ngày 01/01/2011 cho tới khi có quyết định bãi bỏ.

Ông Lê Văn Điệp có nghĩa vụ: (i) nỗ lực thực hiện, hoàn thành công việc được ủy quyền; (ii) kiểm tra, giám sát, thực hiện các công việc được ủy quyền trên đảm bảo lợi ích cao nhất của công ty; (iii) thực hiện theo đúng điều lệ công ty cũng như quy định của pháp luật có liên quan về các công việc nêu trên và (iv) chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc và pháp luật về công việc được ủy quyền trên.



Người ủy quyền

Lê Văn Quang

Người được ủy quyền

Lê Văn Điệp